

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Ngày: 29/01/2024

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa trực tuyến xét xử P thẩm công KH3 vụ án hình sự thụ lý số 1296/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn Q về tội “Giết người”, “Gây rối trật tự công cộng” và các bị cáo khác về tội “Gây rối trật tự công cộng”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn Q, sinh ngày 27/11/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn K, xã T, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Trần Văn K2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1980; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ H3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

2. Phạm Đức P, sinh ngày 17/01/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn N, xã H1, thị xã K1, tỉnh H; Quốc

tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1972 và bà Trần Thị P1, sinh năm 1975; Gia đình có H3 chị em, bị cáo là con thứ H3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Tuấn V, sinh ngày 30/4/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: KDC T2, phường P2, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Văn B, sinh năm 1982 và bà Vũ Thị Hồng H2, sinh năm 1983; Gia đình có H3 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Văn T3 - Luật sư Văn phòng luật sư P3 & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh B1; có mặt.

4. Bùi Xuân H3, sinh ngày 08/7/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Đội 8, thôn N, xã H1, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Chưa xác định, con bà Bùi Thị X, sinh năm 1968; Bị cáo là con duy nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị U - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

5. Trần Trọng H4, sinh ngày 17/3/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn C 1, xã H1, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn H5, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị N1, sinh năm 1983; Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ H3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Văn T3 - Luật sư Văn phòng luật sư P3 & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh B1; có mặt.

6. Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/7/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Khu B2, phường M, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1973 và Bà Hoàng Thị B3, sinh năm 1977; Gia đình có H3 anh em, bị cáo là con thứ H3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Trung K3, sinh ngày 06/02/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Khu 4, phường P4, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sinh

viên - T11 Đại học C1; Trình độ học vấn 12/12; Con ông Phạm Văn C2, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị Minh H6, sinh năm 1977; Gia đình có H3 anh em, bị cáo là con thứ H3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

8. Bùi Ngọc L1, sinh ngày 22/7/2006; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Khu T5, phường M, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Bùi Văn H7, sinh năm 1972 và bà Bùi Thị C3, sinh năm 1974; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ H3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo L1: Ông Bùi Văn H7, sinh năm 1972 và bà Bùi Thị C3, sinh năm 1974; đều có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo L1:

- Ông Phạm Văn Đ1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

- Ông Dương Quang H8 – Luật sư Văn phòng luật sư Đ2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H9; có mặt.

9. Nguyễn Tuấn V1, sinh ngày 10/10/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Khu B2, phường M, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bố: Chưa xác định, con bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1976; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn Đ1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

10. Thân Thành C4, sinh ngày 04/4/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu dân cư Q1, phường P2, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sinh viên - T11 Cao đẳng Đ3; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Thân Văn L3, sinh năm 1982 và bà Lê Thị T6, sinh năm 1983; Bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo C4:

- Ông Phan Văn T3 - Luật sư Văn phòng luật sư P3 & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh B1; có mặt.

- Ông Hoàng Minh H10 - Luật sư Văn phòng luật sư H11 Việt Nam thuộc Đoàn luật sư thành phố H9; có mặt.

11. Vũ Anh T7, sinh ngày 17/3/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Khu T8, phường T9, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sinh viên - T11 Cao đẳng Đ3; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vũ Văn V2, sinh năm 1977 và bà Cao Thị T10, sinh năm 1977; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ H3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Văn T3 - Luật sư Văn phòng luật sư P3 & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh B1; có mặt.

12. Trần Văn T11, sinh ngày 12/10/2004; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Đội 8, thôn N, xã H1, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn P5 (đã chết) và bà Mạc Thị T12, sinh năm 1980; Gia đình có H3 chị em, bị cáo là con thứ H3; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

13. Đinh Quang V3, sinh ngày 14/9/2005; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn N, xã H1, thị xã K1, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Đinh Văn H13, sinh năm 1980 và bà Lê Thị M1, sinh năm 1983; Gia đình bị cáo có ba anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo V3: Bà Nguyễn Thị U - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn giữa Trần Văn Q và Phạm Đức P, Q và P hẹn nhau sáng ngày 17/8/2022 gặp nhau tại quán bán hàng của chị Nguyễn Thị T13, sinh năm 1979, ở khu 7, phường P4, thị xã K1 để đánh nhau. P đã gửi tin nhắn rủ Trần Trọng H4, Trần Văn T11, Bùi Xuân H3, Đinh Quang V3, Bùi Ngọc M2 sinh ngày 26/10/2006 và Nguyễn Tiến G sinh ngày 06/12/2006 đều ở thôn N, xã H1, thị xã K1 đi đánh nhau; H4, T11, H3, V2, M2 và G đồng ý. Cùng thời điểm trên, Q nhắn tin rủ Phạm Tuấn V và Phạm Văn H4, sinh ngày 01/4/2007, ở thôn X1, xã Q2, thị xã K1 đi đánh nhau; Q bảo V chuẩn bị đồ (tức công cụ để đánh nhau) và rủ thêm bạn tham gia đánh nhau cùng, V và H4 đồng ý. V đã nhắn tin rủ Nguyễn Quang T14 và Nguyễn Thành Đ đi đánh nhau, T14 và Đ đồng ý. Đồng

thời, V chuẩn bị 07 vỏ chai bia nhãn hiệu H9 bằng thủy tinh cho vào túi nilon mang giấu tại bụi cây ở khu vực quán của chị T13, mục đích để đánh nhau với nhóm của P, sau đó V nhắn tin thông báo cho Q biết.

Sáng ngày 17/8/2022, Phạm Văn H4 điều khiển mô tô đến nhà Q. Q bảo H4 tháo biển số xe, mục đích tránh sự phát hiện, sau đó Q điều khiển xe chở H4 đi đón V rồi cùng đi đến quán của chị T13 để đánh nhau với nhóm của P. Chờ lâu không thấy nhóm của P đến, nên Q, V và H4 đi về. Lúc này, P cùng Trần Trọng H4, Trần Văn T11, Bùi Xuân H3 đi đến quán của chị T13, khi đi H3 mang theo 01 con dao dạng dao bầu bằng kim loại dài 36,5cm và 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 48,6cm cho vào balo vải màu đen, trên đường đi gặp G, M2 và V2, tất cả cùng đi đến quán của chị T13, không thấy nhóm của Q thì P nhắn tin cho Q. Q, H4 và V quay lại quán của chị T13, lúc này trường THPT T17 tan học, một số học sinh đến quán chị T13 để lấy xe về nhà (chị T13 trông xe cho học sinh). Tại đây, có Đỗ Xuân V4, Trịnh Tuấn M3, Trần Tiến Đ4, Nguyễn Tuấn V1, Bùi Ngọc L1, Thân Thành C4, Phạm Trung K3, Vũ Anh T7, Trương Đỗ Việt A, sinh ngày 15/8/2007 ở khu 5, phường P4, Phạm Việt C5, sinh ngày 22/9/2006, ở T15, phường M, Nguyễn Đại D, sinh ngày 31/12/2006, ở thôn T16, xã L4, thị xã K1 và người nam thanh niên tên là A1 (chưa rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể). Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, nhóm của Q tập trung ở trong quán của chị T13, nhóm của P tụ tập đứng ở vỉa hè ngoài quán của chị T13, tại đây, H3 nhóm đánh nhau:

Trần Văn Q giấu vỏ chai bia H9 bằng thủy tinh trong người gọi P nói chuyện. Q và P có lời qua lại, thách thức nhau. Q cầm vỏ chai bia đập vào đầu P thì P giơ tay lên đỡ, thấy vậy nhóm của Q có khoảng 10 người dùng chân, tay, vỏ chai bia lao vào đánh P. Thấy P bị đánh, Trần Trọng H4 vào can ngăn thì Đỗ Xuân V4 dùng tay đánh 03 cái vào lưng và vai H4, Nguyễn Tiến G dùng chân đạp vào người Q và đánh vào người Trịnh Tuấn M3. Bùi Ngọc M2, Bùi Xuân H3 dùng tay đánh Q và Nguyễn Quang T14. Q cầm vỏ chai bia đập liên tiếp 02 phát từ phía sau vào đầu Đỗ Xuân V4 làm vỏ chai bia bị vỡ, V4 bị ngã gục xuống đất, đánh xong Q nhận ra đánh nhầm V4 bên nhóm mình. Nhóm của Q và nhóm của P dừng lại, đưa V4 vào trong quán của chị T13 lau vết thương.

Khoảng 10 phút sau, Trần Văn Q lại gọi Phạm Đức P ra nói chuyện, Q cầm vỏ chai bia H9 bằng thủy tinh đập 02 phát vào đầu P, P giơ tay lên đỡ, thì Trần Trọng H4 xông vào ôm Q để P dùng tay đánh 02 cái vào đầu Q. Lúc này, nhóm của Q và nhóm của P lao vào đánh nhau, đuổi đánh nhau hỗn loạn tại trước cửa quán của chị T13 và chạy đuổi đánh nhau dọc đường Quốc lộ M4, hướng P4 đi M, trong đó: Trần Văn Q dùng ghế inox đánh Bùi Xuân H3; Phạm

Văn H4 dùng chân đạp vào người Trần Trọng H4, chạy đuổi dùng chân đạp vào người Phạm Đức P; Phạm Tuấn V dùng điều cây bằng tre đánh Phạm Đức P và cầm đá ném Bùi Xuân H3; Nguyễn Quang T14 dùng vỏ chai bia đập vào đầu, dùng chân đạp người Trần Văn T11 và lấy dao tự chế của Bùi Xuân H3, dùng mặt ngang của dao vọt 02 phát vào vùng đầu của H3; Nguyễn Thành Đ cầm miếng bê tông và cầm chiếc chảo bằng kim loại ném Bùi Xuân H3, cầm miếng bê tông ném vào mạn sườn bên trái và cầm miếng bê tông đập 01 phát vào đầu của H3; Trịnh Tuấn M3 dùng chân đạp 01 nam thanh niên (M3 không biết tên, địa chỉ) đang đuổi nhau trên QL M4; Trần Tiến Đ4 chạy đuổi nhau trên QL M4, dùng tay đâm 01 nam thanh niên (Đ4 không biết tên, địa chỉ) trong nhóm của P; Nguyễn Tuấn V1 cầm 02 miếng bê tông tham gia đánh nhau; Nguyễn Thành Đ cầm miếng bê tông ném Bùi Xuân H3; Bùi Ngọc L1 dùng tay đánh 02 cái vào người Phạm Đức P và dùng điều cây bằng tre đánh 02 phát vào tay Bùi Xuân H3; Thân Thành C4 dùng điều cây bằng tre đánh 03 phát vào vùng đầu Phạm Đức P và 01 phát vào vùng đầu Bùi Xuân H3; Phạm Trung K3 dùng điều cây bằng tre đánh 01 phát vào vùng đầu Phạm Đức P và cầm đá ném vào lưng Bùi Xuân H3. Bùi Xuân H3 dùng dao tự chế chém vào vai, lưng Trần Tiến Đ4; Trần Trọng H4 vật ngã Trần Văn Q; Trần Văn T11 túm áo Trịnh Tuấn M3 vật ngã xuống đường, dùng tay đánh 02 cái vào đầu và dùng chân đạp 02 cái vào bụng; Trần Trọng H4 dùng chân đạp liên tục 4-5 cái vào đầu M3; Đinh Quang V3 dùng chân sút liên tục vào bụng M3; Nguyễn Tiến G dùng chân tay đánh vào người M3, đồng thời G và Bùi Ngọc M2 dùng chân tay đánh Q. Đinh Quang V3 chạy đuổi theo nhóm của Q và dùng chân sút liên tục vào bụng M3. Trương Đỗ Việt A cầm vỏ chai bia H9 ném Trần Văn T11, nhặt cổ chai bia vỡ đuổi đánh Phạm Đức P và dùng ghế inox đánh 04 phát vào người P, giăng con dao từ tay của Bùi Xuân H3 chém vào cổ chân trái của H3, chém nhát thứ H3 thì H3 dùng tay đỡ nên không trúng; Phạm Việt C5 dùng tay đánh 02 cái vào người 01 nam thanh niên và cầm chiếc chảo bằng kim loại đuổi theo đánh vào cánh tay trái 01 nam thanh niên (Cường không biết tên, địa chỉ) trong nhóm của P; Nguyễn Đại D cầm điều cây bằng tre đập 01 phát vào người Trần Văn T11 và đuổi đánh T11, cầm điều cây ném Phạm Đức P, cầm gạch ném Bùi Xuân H3; nam thanh niên tên là A1 (chưa rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) dùng ghế nhựa, gạch bê tông đập vào đầu Bùi Xuân H3; Nguyễn Tiến G xông vào giăng lấy con dao của Trương Đỗ Việt A, lúc này có người hô có Công an đến thì nhóm của Q và nhóm của P bỏ chạy rời khỏi hiện T11.

- Kết quả khám nghiệm hiện T11, xác định: Hiện T11 nơi xảy ra vụ án là trước cửa quán bán hàng của chị Nguyễn Thị T13, ở khu 7, phường P4, giáp với

đường quốc lộ M4, trường THCS P4. Vị trí hàng cây trước khuôn viên trường THCS P4 có 01 ghế nhựa màu đỏ, 02 ghế inox màu trắng, 01 chiếc mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen và 02 chiếc điều cày bằng tre đều bị vỡ, 01 chảo bằng kim loại và nhiều mảnh vỡ thủy tinh màu nâu. Thu giữ các vật chứng trên và camera tại nhà ông Vũ Văn M5, sinh năm 1960, ở khu 7, phường P4, thị xã K1.

- Các kết luận giám định pháp y về thương tích số 298a, 298b, 298c ngày 15/9/2022; số 298d ngày 14/10/2022; số 298e ngày 05/10/2022; số 359a, 359b, 359c ngày 23/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh H kết luận:

Đỗ Xuân V4 bị thương tích, chấn thương sọ não gây tụ máu dưới màng cứng bán cầu trái, chảy máu dưới nhện dọc liềm đại não, lều tiểu não, vài rãnh cuộn não vùng trán đỉnh trái, ổ đụng dập nhỏ thùy trán trái, không liệt chi, tổn hại sức khỏe là 20%.

Phạm Đức P bị thương tích, 03 vết xước nhẹ vùng mu bàn tay trái, tổn hại sức khỏe là 03%. Trần Trọng H4 bị thương tích, chấn thương phần mềm gây xước da cẳng tay trái, tổn hại sức khỏe là 0%. Nguyễn Quang T14 bị thương tích, vết thương hở ngoài ở vùng mạng sườn bên trái, tổn hại sức khỏe là 01%. Trần Văn T11 bị thương tích, chấn thương sọ não kín gây chảy máu màng mềm, chấn thương phần mềm gây xây xát vùng tay, chân, tổn hại sức khỏe là 09%. Bùi Xuân H3 bị thương tích, vết thương đứt cơ 1/3 giữa mắt ngoài đùi trái, tổn hại sức khỏe là 02%. Trịnh Tuấn M3 bị thương tích, vết thương rách da mu bàn tay trái, vết xây xước da mắt trước đầu gối trái, tổn hại sức khỏe là 01%. Trần Tiến Đ4 bị thương tích, vết thương phần mềm vùng ngang lưng, tổn hại sức khỏe là 02%.

- Kết luận giám định số 5958 ngày 09/12/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an về tệp video ghi nhận hình ảnh vụ việc có dung lượng 829MB, thời lượng 30 phút 04 giây được lưu trữ trong USB nhãn hiệu K4: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video gửi giám định. Thời gian ghi hình được hiển thị trong tệp video gửi giám định là ngày 17/8/2022.

- Kết luận định giá tài sản số 52 ngày 07/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã K1 đối với tài sản của chị Nguyễn Thị T13: 01 ghế nhựa giá trị thiệt hại là 36.000đ, 02 ghế inox giá trị thiệt hại là 80.000đ, 02 chiếc điều cày bằng tre giá trị thiệt hại là 21.000đ, 01 chảo bằng kim loại giá trị thiệt hại là 81.667đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 28/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh H đã áp dụng:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, d khoản 2 Điều 318; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 102 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Đức P.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Tuấn V.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Xuân H3.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Trọng H4.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Trung K3.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Ngọc L1.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tuấn V1.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thân Thành C4.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Anh T7.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T11.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đinh Quang V3.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “*Giết người*” và tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Các bị cáo Phạm Đức P, Phạm Tuấn V, Bùi Xuân H3, Trần Trọng H4, Nguyễn Thành Đ, Phạm Trung K3, Bùi Ngọc L1, Nguyễn Tuấn V1, Thân Thành C4, Vũ Anh T7, Trần Văn T11, Đinh Quang V3 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Xử phạt Trần Văn Q 06 (sáu) năm tù về tội “*Giết người*”, 03 (ba) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tổng hợp hình phạt của cả 2 tội, buộc bị cáo phải chịu 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Phạm Đức P 03 (ba) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Phạm Tuấn V 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Bùi Xuân H3 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Trần Trọng H4 27 (H3 mươi bảy) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Nguyễn Thành Đ 28 (H3 mươi tám) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Phạm Trung K3 27 (H3 mươi bảy) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Bùi Ngọc L1 27 (H3 mươi bảy) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Nguyễn Tuấn V1 27 (H3 mươi bảy) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Thân Thành C4 28 (H3 mươi tám) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Vũ Anh T7 28 (H3 mươi tám) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Trần Văn T11 28 (H3 mươi tám) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Đinh Quang V3 27 (H3 mươi bảy) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với ba bị cáo Đỗ Xuân V4, Trần Tiến Đ4, Trịnh Tuấn M3, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Phạm Trung K3, Phạm Tuấn V, Thân Thành C4, Vũ Anh T7, Bùi Xuân H3, Trần Trọng H4 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo Phạm Đức P, Bùi Ngọc L1, Nguyễn Tuấn V1, Trần Văn T11, Đinh Quang V3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Văn T11, Đinh Quang V3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các bị cáo khác giữ nguyên nội dung kháng cáo, đều thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn Q về tội “Giết người” và “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, d khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Phạm Trung K3, Phạm Tuấn V, Thân Thành C4, bị cáo Vũ Anh T7, Bùi Xuân H3, Trần Trọng H4, Phạm Đức P, Bùi Ngọc L1, Nguyễn Tuấn V1, Trần Văn T11, Đinh Quang V3 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo L1, K3, T7, C4 xuất trình tài liệu thể hiện các bị cáo đang là sinh viên của các T11 cao đẳng, đại học; Các bị cáo đều phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Giảm hình phạt cho các bị cáo Q, V, H3, H4, Đ, Tuấn V2, T11, Quang V2 mỗi bị cáo 03 tháng tù; bị cáo P 01 năm tù; giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo C4, L1, K3, Tuấn được hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa

phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung:* Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; cơ bản phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn giữa Trần Văn Q và Phạm Đức P nên vào khoảng 10 giờ ngày 17/8/2022, tại khu vực trước cửa quán của chị Nguyễn Thị T13, ở khu 7, phường P4, thị xã K1, Trần Văn Q đã có hành vi cầm vỏ chai bia bằng thủy tinh, nhãn hiệu H9 đập liên tiếp 02 phát từ phía sau vào đầu của Đỗ Xuân V4, làm V4 bị thương, chấn thương sọ não, gây tụ máu dưới màng cứng bán cầu trái, chảy máu dưới nhện dọc liềm đại não, lều tiểu não, vài rãnh cuộn não vùng trán đỉnh trái, ổ đụng dập nhỏ thùy trán trái, tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 20%. Đồng thời, Trần Văn Q đã cùng Phạm Tuấn V, Nguyễn Thành Đ, Phạm Trung K3, Bùi Ngọc L1, Đỗ Xuân V4, Trần Tiến Đ4, Nguyễn Tuấn V1, Đinh Quang V3, Thân Thành C4, Trịnh Tuấn M3, Vũ Anh T7, Trần Văn T11, Phạm Đức P, Trần Trọng H4, Bùi Xuân H3 có hành vi dùng chân, tay, vỏ chai bia bằng thủy tinh, dao tự chế, dao bầu, điều cây, ghế inox, ghế nhựa, mũ bảo hiểm, miếng bê tông, chạy đuổi đánh nhau tại nơi công cộng, gây ra hậu quả thiệt hại về sức khỏe và tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Hành vi của bị cáo Q dùng hung khí nguy hiểm (vỏ chai bia thủy tinh) đập vào đầu Đỗ Xuân V4, là vùng trọng yếu của cơ thể nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giết người*”. Bị cáo Q còn cùng với các bị cáo khác dùng hung khí đuổi đánh nhau tại vị trí gần Quốc lộ M4 và gần cổng trường THCS P4, nơi đông người qua lại gây cản trở giao thông, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương nên bị cáo Trần Văn Q bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Giết người*” và tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; các bị cáo Phạm Tuấn V, Phạm Đức P, Bùi Xuân H3, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Tuấn V1, Bùi Ngọc L1, Thân Thành C4, Phạm Trung K3, Trần Văn T11, Trần Trọng H4, Đinh Quang V3, Vũ Anh T7 bị xét xử về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” là có căn cứ.

Đối với các bị cáo Trần Văn Q, Phạm Đức P, Phạm Tuấn V vừa có hành vi dùng hung khí trong quá trình gây rối, vừa có hành vi rủ những người khác tham gia cùng đánh nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 2 tình tiết định khung

là “Dùng hung khí” và “Xúi giục người khác gây rối” theo điểm b, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

3.1. Đối với hành vi phạm tội “Giết người” của bị cáo Trần Văn Q:

Bị cáo Trần Văn Q phạm tội độc lập về tội “Giết người”. Hành vi của bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đập 2 nhát vào đầu Đỗ Xuân V4 dẫn đến V4 bị chấn thương sọ não, thể hiện sự hung hăng, côn đồ, coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác; là người khởi nguồn mâu thuẫn, gọi P ra nói chuyện, cầm chai bia đập vào đầu V4, đầu P; chủ động nhắn tin rủ V và H4 mang theo đồ (công cụ) để đánh nhau và rủ thêm bạn tham gia cùng nên phải chịu hình phạt độc lập về tội “Giết người” và chịu trách nhiệm chính về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xét bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại. Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, ngoài ra bị cáo còn ủng hộ quỹ người nghèo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn Q phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên áp dụng quy định tại các Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

3.2. Đối với nhóm các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”, Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án này bị cáo Trần Văn Q và Phạm Đức P có mâu thuẫn và hẹn gặp nhau để nói chuyện. Tuy nhiên Q giữ vai trò tích cực hơn, khi gặp nhau đã chủ động dùng vỏ chai bia đập vào đầu V4, đập vào đầu P trước. Phạm Đức P bị đánh trước có chống trả bằng tay đánh vào đầu Q nên P giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với các bị cáo Phạm Tuấn V và Bùi Xuân H3 đều là người được Q và P rủ cùng tham gia đánh nhau (Q rủ V, P rủ H3). Cả 2 bị cáo đều tham gia tích cực và đều là người chuẩn bị hung khí trước khi 2 nhóm đánh nhau. V chuẩn bị 07 vỏ chai bia, H3 chuẩn bị dao bầu và dao tự chế. V có hành vi dùng điều cày đánh P, dùng đá ném H3. Bùi Xuân H3 có hành vi dùng dao chém vào lưng, vai của Trần Tiến Đ4, nên các bị cáo được xác định giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Tuấn V1, Bùi Ngọc L1, Thân Thành C4, Phạm Trung K3, Đinh Quang V3, Vũ Anh T7 đều có hành vi dùng hung khí (tảng bê tông, điều cày, đá) khi tham gia đánh nhau. Bị cáo Trần

Văn T11, Trần Trọng H4 mặc dù không dùng hung khí nhưng khi đi T11 có đem theo hung khí (T11 cầm dao bầu và giao tự chế do H3 đưa), H4 đi cùng H3, T11, P và biết được việc T11 cầm dao đi. Bị cáo Đinh Quang V3 được P nhắn tin từ trước, đồng ý cùng P và đồng bọn tham gia đánh nhau với nhóm của Q, do vậy các bị cáo đều có vai trò ngang nhau và giữ vai trò thứ tư trong vụ án. Các bị cáo Đỗ Xuân V4, Trần Tiến Đ4, Trịnh Tuấn M3 đều là người tham gia với vai trò thứ yếu (dùng chân tay để đánh nhau), tham gia bột phát, không có sự bàn bạc từ trước nên có vai trò hạn chế hơn.

3.3. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu các tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Phạm Đức P, Bùi Xuân H3 đã tham gia ủng hộ quỹ khuyến học, quỹ người nghèo, bị cáo Trần Trọng H4, bị cáo Đinh Quang V3 đều được giám đốc Trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã K1 tặng giấy khen trong quá trình học tập, bị cáo Phạm Trung K3 có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huy chương chiến sĩ vẻ vang, các bị cáo Bùi Ngọc L1, Nguyễn Tuấn V1 có thành tích trong công tác đoàn, bị cáo Phạm Tuấn V có ông bà ngoại được tặng thưởng huy chương, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người chưa thành niên nên áp dụng các quy định tại các Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét khi Q định hình phạt đối với các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Tuấn V1, Bùi Ngọc L1, Phạm Đức P, Phạm Tuấn V, Thân Thành C4, Trần Trọng H4, Trần Văn T11, Đinh Quang V3, Phạm Trung K3, Vũ Anh T7, Trần Văn Q xuất trình biên lai nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ có Giấy xác nhận có tích cực tham gia hoạt động Đoàn và phong trào thiếu nhi tại địa phương; xuất trình Huân chương kháng chiến hạng Ba của ông Hoàng Văn H14 là ông ngoại bị cáo.

Bị cáo Phạm Tuấn V xuất trình phiếu thu ủng hộ quỹ tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Giấy xác nhận có tích cực tham gia hoạt động Đoàn và phong trào thiếu nhi tại địa phương.

Bị cáo Trần Văn Q quá trình học tập năm lớp 10, 11 đạt danh hiệu học sinh tiên tiến, được trường THPT K1 II tặng Giấy khen.

Bị cáo Trần Văn T11 xuất trình Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba của ông Mạc Văn T18 là ông ngoại bị cáo.

Bị cáo Đinh Quang V3 có xuất trình Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba của ông Đinh Văn K5 và Huân chương kháng chiến hạng Ba của ông Lê Văn H15 là ông nội và ông ngoại của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tuấn V1 xuất trình đơn trình bày của bà Nguyễn Thị L1 (là mẹ đẻ bị cáo) trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ bị cáo là mẹ đơn thân một mình nuôi bị cáo, không có việc làm ổn định, gia đình gặp nhiều khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; xuất trình Xác nhận ông Nguyễn Đức T19 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

Bị cáo Bùi Ngọc L1 hiện đang theo học lớp 12 tại trường THPT T17 có đơn xin bảo lãnh và cam kết của gia đình cùng đơn xin giảm nhẹ hình phạt, trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; Quá trình học tập luôn tích cực trong các hoạt động phong trào lớp; là học sinh tiên tiến các năm lớp 10, 11 có xác nhận của trường THPT T17; Quá trình sống tại địa phương tích cực tham gia các hoạt động Đoàn, tham gia đội tình nguyện trực chốt kiểm định và truy vết các F trong đợt dịch COVID 19.

Bị cáo Phạm Đức P xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt, trình bày nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình sống tại địa phương luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia đóng góp xây dựng được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo có ông bà ngoại tham gia hai cuộc kháng chiến được tặng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong, ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bác ruột được tặng thưởng Huân chương chiến công.

Bị cáo Thân Thành C4 hiện đang theo học tại T11 Cao đẳng Đ3; quá trình sống tại địa phương, bị cáo tham gia tích cực các hoạt động thiện nguyện, chăm sóc giáo dục nhi đồng, hoạt động hè; tích cực ủng hộ quỹ tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn được BCH đoàn phường, UBND phường P2, thị xã K1 xác nhận; Bị cáo có xuất trình Đơn xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo để tiếp tục đi học có xác nhận của chính quyền địa phương.

Bị cáo Phạm Trung K3 xuất trình Đơn xin cải tạo tại địa phương, xuất trình giấy báo trúng tuyển, thẻ sinh viên, xác nhận của trường Đại học C1, hiện K3 đang là sinh viên theo học tại trường, bố bị cáo là ông Phạm Văn C2 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất, Nhì, Ba.

Bị cáo Vũ Anh T7 xuất trình phiếu thu ủng hộ Quỹ vì người nghèo phường T9, thị xã K1; Đơn xin cải tạo tại địa phương, trình bày quá trình sống tại địa phương luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, quy định của địa phương, tích cực tham gia phong trào Đoàn tại Chi đoàn khu T8; xác nhận hiện đang theo học tại trường Cao đẳng Đ3.

Xét các bị cáo trong vụ án phạm tội khi còn đang đi học nhưng cách hành xử thể hiện sự coi thường pháp luật, gây hoang mang, bức xúc cho quần chúng nhân dân; Các ban ngành đoàn thể địa phương có văn bản đề nghị xử lý nghiêm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù đối với 13 bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo kháng cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, quá trình sống tại địa phương tích cực tham gia hoạt động Đoàn, hoạt động thiện nguyện; sau khi xét xử sơ thẩm đều đã tích cực nộp tiền án phí sơ thẩm, hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo có phần nghiêm khắc. Do đó có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần phải căn cứ vào tính chất mức độ hành vi, tình tiết giảm nhẹ mới của từng bị cáo được hưởng để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Bùi Ngọc L1 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, các bị cáo Phạm Trung K3, Thân Thành C4, Vũ Anh T7 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (đang học lớp 12). Sau khi phạm tội vẫn tiếp tục theo học và đạt kết quả tốt, thể hiện sự ăn năn hối cải, có thể cải tạo giáo dục tại địa phương. Hiện các bị cáo T7, C4 đang theo học tại trường Cao đẳng Đ3, bị cáo K3 đang học trường Đại học C1. Xét thấy, tại cấp phúc thẩm các bị cáo được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Cần giữ nguyên hình phạt nhưng cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Q, Phạm Tuấn V, Phạm Đức P, Bùi Xuân H3, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Tuấn V1, Bùi Ngọc L1,

Thân Thành C4, Phạm Trung K3, Trần Văn T11, Trần Trọng H4, Đinh Quang V3, Vũ Anh T7.

1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điểm b, d khoản 2 Điều 318; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 102 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q.

Xử phạt Trần Văn Q 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Giết người*”, 03 (ba) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tổng hợp hình phạt của cả 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Đức P, Phạm Tuấn V.

- Xử phạt Phạm Đức P 02 (hai) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Phạm Tuấn V 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Xuân H3, Trần Trọng H4, Nguyễn Tuấn V1.

- Xử phạt Bùi Xuân H3 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Trần Trọng H4 20 (hai mươi) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Nguyễn Tuấn V1 20 (hai mươi) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ.

- Xử phạt Nguyễn Thành Đ 20 (hai mươi) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Trung K3, Bùi Ngọc L1, Thân Thành C4, Vũ Anh T7.

- Xử phạt Phạm Trung K3 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (*năm mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Xử phạt Bùi Ngọc L1 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (*năm mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Xử phạt Thân Thành C4 28 (hai mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 (*năm mươi sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Xử phạt Vũ Anh T7 28 (hai mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 (*năm mươi sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Giao các bị cáo Phạm Trung K3 cho Ủy ban nhân dân phường P4, thị xã K1, tỉnh H; Bùi Ngọc L1 cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã K1, tỉnh H; Thân Thành C4 cho Ủy ban nhân dân phường P2, thị xã K1, tỉnh H; Vũ Anh T7 cho Ủy ban nhân dân phường T9, thị xã K1, tỉnh H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T11, Đinh Quang V3.

- Xử phạt Trần Văn T11 16 (mười sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt Đinh Quang V3 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận các bị cáo Trần Văn Q, Phạm Tuấn V, Phạm Đức P, Bùi Ngọc L1, Thân Thành C4, Phạm Trung K3, Trần Văn T11, Trần Trọng H4, Đinh Quang V3, Vũ Anh T7, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Tuấn V1 mỗi bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo các biên lai thu số 0002046 ngày 29/09/2023; số 0002056, 0002055, 0002054 ngày 05/10/2023; số 0002057, 0002059 ngày 06/10/2023; số 0002061, 0002062 ngày 09/10/2023; số 0002069, 0002070, 0002071 ngày 10/10/2023; số 0002072 ngày 11/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Bị cáo (qua địa chỉ);
- UBND phường P4, thị xã K1, tỉnh H;
- UBND phường M, thị xã K1, tỉnh H;
- UBND phường P2, thị xã K1, tỉnh H;
- UBND phường T9, thị xã K1, tỉnh H;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà